

Số: 150 /QĐ - CNPC

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 4 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp: Khám sức khỏe định kỳ năm 2025

#### GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CAO NGẠN - TKV

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc ban hành Quy định về LCNCC hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực - TKV;

Căn cứ Công văn số 2879/ĐLTKV-KH ngày 09/12/2024 của Tổng công ty Điện lực - TKV V/v tạm giao/thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 cho Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV;

Căn cứ Kế hoạch số 1950/KH-CNPC ngày 31/12/2024 Kế hoạch Điều hành sản xuất kinh doanh năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 329/KH-CNPC ngày 10/3/2025 v/v Khám sức khỏe định kỳ và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp năm 2025;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định ngày 31/3/2025;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch Đầu tư Vật tư.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán gói cung cấp “Khám sức khỏe định kỳ năm 2025” với những nội dung chính như sau:

1. Nội dung công việc: Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV công ty (đợt 1), lãnh đạo quản lý (đợt 2).

(Chi tiết như Kế hoạch số 329/KH-CNPC ngày 10/3/2025)

2. Giá trị dự toán (đã bao gồm thuế và phí các loại ) là: 264.161.880 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tư triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm tám mươi đồng)

4/0

7/0

(Chi tiết như phụ lục 1 kèm theo)

**Điều 2.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp “Khám sức khỏe định kỳ năm 2025” (Chi tiết như phụ lục 2 kèm theo).

**Điều 3.** Các ông (bà) Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ có liên quan của Công ty theo chức năng nhiệm vụ căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- PGĐ (e-copy);
- Phòng TCKT, KHĐT, TCHC;
- Lưu: VT, THL(4)

**Q. GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Mạnh Cường**

## Phụ lục 1: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

### Gói cung cấp: Khám sức khỏe định kỳ năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 150 /QĐ-CNPC, ngày 02 tháng 4 năm 2025)

#### I. Căn cứ lập dự toán:

- Kế hoạch số 329/KH-CNPC ngày 10/3/2025 về việc Khám sức khỏe định kỳ và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp năm 2025;

- Báo giá của Bệnh viện Than - Khoáng sản.

STT	Nội dung công việc	Số lượng (người)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<b>A</b>	<b>Chi phí khám chữa bệnh</b>			<b>264 161 880</b>
<b>I</b>	<b>Khám đợt 1</b>			<b>192 526 000</b>
1	Khám sức khỏe tổng quát toàn bộ cho công nhân lao động	273	160 000	43 680 000
2	Tổng phân tích TB máu ngoại vi	273	49 700	13 568 100
3	Xét nghiệm đường máu	273	22 400	6 115 200
4	Định lượng Acid Uric	273	22 400	6 115 200
5	Xét nghiệm mỡ máu 4 chỉ số	273	112 000	30 576 000
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	273	22 400	6 115 200
7	Đo hoạt độ ALT(GPT)	273	22 400	6 115 200
8	Đo hoạt độ GGT	273	22 000	6 006 000
9	Siêu âm tổng quát ổ bụng	273	58 600	15 997 800
10	Siêu âm tuyến giáp	273	58 600	15 997 800
11	Siêu âm tuyến vú hai bên	79	58 600	4 629 400
12	Soi cổ tử cung	79	68 100	5 379 900
13	Xét nghiệm chuẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Papanicolaou (Pap smear)	79	300 000	23 700 000
14	Xét nghiệm ma túy tổng hợp	12	130 000	1 560 000
15	Đo thị trường, ám điểm	12	29 600	355 200
16	Marker ung thư phổi (NSE) cho Trường, phó các đơn vị, trường ca, y tế	27	245 000	6 615 000
<b>II</b>	<b>Khám đợt 2</b>			<b>71 635 880</b>
	<b>Khám sức khỏe lần 1 cho lãnh đạo quản lý</b>			<b>44 123 380</b>
<b>1</b>	<b>Khám sức khỏe toàn diện cho lãnh đạo Công ty, Chủ tịch CĐ và Bí thư Đoàn TN</b>			<b>12 436 780</b>
1.1	Khám lâm sàng	6	700 000	4 200 000
1.2	Tổng phân tích TB máu ngoại vi	6	49 700	298 200
1.3	Định lượng Glucose (Đường máu)	6	22 400	134 400

STT	Nội dung công việc	Số lượng (người)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1.4	Định lượng Ure	6	16 800	100 800
1.5	Định lượng Creatinin	6	22 400	134 400
1.6	Định lượng Acid Uric	6	22 400	134 400
1.7	Định lượng Cholesterol toàn phần	6	28 000	168 000
1.8	Định lượng Tryglycerid	6	28 000	168 000
1.9	Định lượng HDL-C	6	28 000	168 000
1.10	Định lượng LDL-C	6	28 000	168 000
1.11	Đo hoạt độ AST(GOT)	6	22 400	134 400
1.12	Đo hoạt độ ALT(GPT)	6	22 400	134 400
1.13	Đo hoạt độ GGT	6	22 000	132 000
1.14	Hormon tuyến giáp (T3)	6	80 760	484 560
1.15	Hormon tuyến giáp (T4)	6	80 760	484 560
1.16	Hormon tuyến giáp (TSH)	6	80 760	484 560
1.17	HbA1c	6	105 300	631 800
1.18	Định lượng Calci toàn phần	6	13 400	80 400
1.19	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy)	6	28 600	171 600
1.20	Điện tim thường	6	39 900	239 400
1.21	Đo xơ vữa động mạch	6	77 800	466 800
1.22	Lưu huyết não	6	50 500	303 000
1.23	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm	6	84 800	508 800
1.24	Siêu âm màu tổng quát ổ bụng	6	58 600	351 600
1.25	Siêu âm màu tuyến giáp	6	58 600	351 600
1.26	Siêu âm màu tuyến vú	1	58 600	58 600
1.27	Soi cổ tử cung	1	68 100	68 100
1.28	Nội soi tai mũi họng	6	116 100	696 600
1.29	Chụp X quang kỹ thuật số ngực thẳng	6	73 300	439 800
1.30	Chi phí khác (hồ sơ, ăn sáng)	6	90 000	540 000
<b>2</b>	<b>Khám theo chỉ định</b>			<b>16 626 600</b>
2.1	H.pylori (HP dạ dày)	6	171 100	1 026 600
2.2	Nội soi dạ dày gây mê	6	1 200 000	7 200 000
2.3	Nội soi đại tràng gây mê	6	1 400 000	8 400 000
<b>3</b>	<b>Chuẩn đoán ung thư sớm</b>			<b>3 060 000</b>
3.1	Định lượng AFP (phát hiện sớm ung thư gan)	6	120 000	720 000
3.2	Xét nghiệm chuẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Papanicolaou (Pap smear)	1	300 000	300 000

STT	Nội dung công việc	Số lượng (người)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
3.3	Marker ung thư tuyến giáp (Anti - TG)	6	340 000	2 040 000
<b>4</b>	<b>Chi phí khác (nếu có)</b>			<b>12 000 000</b>
4.1	Thực hiện các chỉ định cận lâm sàng theo chỉ định của Bác sỹ lâm sàng, thuốc điều trị bệnh ( nếu có)	6	2 000 000	12 000 000
	<b>Khám sức khỏe lần 2 cho lãnh đạo quản lý</b>			<b>27 512 500</b>
<b>1</b>	<b>Khám sức khỏe toàn diện cho lãnh đạo Công ty, Chủ tịch CĐ và Bí thư Đoàn TN</b>			<b>12 792 500</b>
1.1	Khám lâm sàng	7	700 000	4 900 000
1.2	Tổng phân tích TB máu ngoại vi	7	49 700	347 900
1.3	Định lượng Glucose (Đường máu)	7	22 400	156 800
1.4	Định lượng Ure	7	16 800	117 600
1.5	Định lượng Creatinin	7	22 400	156 800
1.6	Định lượng Acid Uric	7	22 400	156 800
1.7	Định lượng Cholesterol toàn phần	7	28 000	196 000
1.8	Định lượng Tryglycerid	7	28 000	196 000
1.9	Định lượng HDL-C	7	28 000	196 000
1.10	Định lượng LDL-C	7	28 000	196 000
1.11	Đo hoạt độ AST(GOT)	7	22 400	156 800
1.12	Đo hoạt độ ALT(GPT)	7	22 400	156 800
1.13	Đo hoạt độ GGT	7	22 000	154 000
1.14	HbA1c	7	105 300	737 100
1.15	Định lượng Calci toàn phần	7	13 400	93 800
1.16	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy)	7	28 600	200 200
1.17	Điện tim thường	7	39 900	279 300
1.18	Đo xơ vữa động mạch	7	77 800	544 600
1.19	Lưu huyết não	7	50 500	353 500
1.20	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm	7	84 800	593 600
1.21	Siêu âm màu tổng quát ổ bụng	7	58 600	410 200
1.22	Siêu âm màu tuyến giáp	7	58 600	410 200
1.23	Siêu âm màu tuyến vú	1	58 600	58 600
1.24	Soi cổ tử cung	1	68 100	68 100
1.25	Nội soi tai mũi họng	7	116 100	812 700
1.26	Chụp X quang kỹ thuật số ngực thẳng	7	73 300	513 100
1.27	Chi phí khác (hồ sơ, ăn sáng)	7	90 000	630 000

STT	Nội dung công việc	Số lượng (người)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<b>2</b>	<b>Chuẩn đoán ung thư sớm</b>			<b>720 000</b>
2.1	Marker ung thư tuyến tiền liệt	6	120 000	720 000
<b>3</b>	<b>Chi phí khác (nếu có)</b>			<b>14 000 000</b>
3.1	Thực hiện các chỉ định cận lâm sàng theo chỉ định của Bác sỹ lâm sàng, thuốc điều trị bệnh ( nếu có)	7	2 000 000	14 000 000
<b>B</b>	<b>Tổng cộng chi phí (đã bao gồm thuế và phí các loại)</b>			<b>264 161 880</b>
<b>Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tư triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm tám mươi đồng./.</b>				

*Handwritten signature*

**Phụ lục 02: BẢNG TỔNG HỢP PHÂN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP**

**Gói cung cấp: Khám sức khỏe định kỳ năm 2025**

*(Kèm theo Quyết định số: 150 /QĐ-CNPC, ngày 02 tháng 4 năm 2025)*

STT	Tên chủ đầu	Tên gói cung cấp		Giá gói cung cấp (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Phương thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói cung cấp	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói cung cấp	Tóm tắt công việc chính của gói cung cấp										
1	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV	Khám sức khỏe định kỳ năm 2025	Khám sức khỏe định kỳ năm 2025	264.161.880	Chi phí SXKD năm 2025	Ký hợp đồng trực tiếp		15 ngày	Tháng 4/2025	Theo đơn giá cố định	Năm 2025	Không	